

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HS-PT

Ngày: 21-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tuấn

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 29/2024/HSPT-HS ngày 22 tháng 4 năm 2025 do có kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2025/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, đối với bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Trần Vương T; sinh năm: 2002; tại: tỉnh Nam Định; số căn cước công dân: 036202004979; nơi đăng ký thường trú: Số A đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số D đường T, phường T (phường V cũ), thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Vũ T1 và bà Vương Thị Ánh T2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30-7-2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* Bị hại: Anh Lê Quang T3, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn L, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị gồm: Trịnh Thị T4, Bùi Duy T5, Nguyễn Đức T6. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ xã hội, anh Lê Quang T3, sinh năm 1995, trú tại thôn L, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định có quen với Trịnh Thị T4. Khoảng giữa

tháng 7 năm 2024, anh Lê Quang T3 sử dụng mạng xã hội Zalo qua tài khoản mang tên “G” để nhắn tin đến tài khoản Z mang tên “Trịnh Trang” của Trịnh Thị T4 nói đang có video hình ảnh của T4 quan hệ tình dục với người yêu cũ. Đến rạng sáng ngày 28-7-2024, anh T3 nhắn tin qua tài khoản Zalo hẹn gặp T4 ở khu vực trạm thu phí M để nói chuyện trao đổi về các video trên, T4 đồng ý. Sau đó, T4 nói với Trần Vương T, Bùi Duy T5, Nguyễn Đức T6 nghe lại sự việc. Cả nhóm thống nhất T4 đến địa điểm hẹn trước gặp anh T3, còn T, T5, T6 đứng gần đó, sau khi gặp anh T3 thì T4 sẽ ghi âm, gửi định vị vị trí để T, T5, T6 đến nơi đánh anh T3. Để anh T3 khỏi nghi ngờ, T5 đưa điện thoại di động của T5 cho T4 sử dụng để ghi âm và gửi định vị.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 28-7-2024, T4 điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh biển số 18P2-1913 đi gặp anh T3, T5 điều khiển xe máy Honda Airblade biển số 18M1-012.63, T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda SH biển số 18B2-994.78. Anh T3 chỉ dẫn qua điện thoại nhằm mục đích để T4 đi lòng vòng nhiều nơi, đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T4 gặp anh T3 đang điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển số 18B1-891.18 tại trục đường xóm P, xã M, thành phố N. T4 yêu cầu được xem video nhạy cảm của mình thì anh T3 gửi qua Zalo cho T4 02 đoạn video. Sau khi xem, T4 xác định người trong video không phải là mình nên T4 gọi T, T5, T6 đang đứng gần đó đến. Khi đến gặp anh T3, T nói “*Mày định tống tình em tao à*”, anh T3 trả lời “*em có làm gì đâu*” thì T dùng cùi trỏ tay phải đánh vào mặt, dùng chân trái đạp vào người anh T3 làm anh T3 ngã ra đất, T tiếp tục dùng chân đạp vào người anh T3. T5 mở cốp xe máy Honda Airblade biển số 18M1-012.63 lấy ra 01 chiếc mỏ lết định lao vào đánh T3 thì được T4, T, T6 can ngăn nên T5 vắt chiếc mỏ lết đi. Quá trình T đánh anh T3 thì T6 đã sử dụng điện thoại di động của mình quay lại toàn bộ sự việc. Sau đó, cả nhóm đe dọa anh T3 sẽ trình báo Công an và gọi điện thoại cho vợ anh T3 về hành vi tống tình của T3 đối với T4. T5 lấy điện thoại gọi điện cho vợ anh T3 nhưng không thấy nghe máy. Do sợ tiếp tục bị đánh và gia đình biết sự việc nên anh T3 nói “em xin lỗi, các anh đừng để cho vợ em biết, các anh muốn em làm gì cũng được, kể cả bồi thường”. T nói với anh T3 “Cái tội của mày là 03 năm tù”, T4 nói “Năm mươi triệu đồng” thì T nói “Ba năm nhân lên là một trăm năm mươi triệu”, sợ bị đánh nên anh T3 đồng ý. Sau đó, T4, T, T5, T6 yêu cầu anh T3 đưa căn cước công dân nhưng anh T3 không mang theo nên cả nhóm đã thống nhất đưa anh T3 tìm nơi viết giấy nợ. Sau đó T5 điều khiển xe máy của anh T3 chở anh T3, T chở T4, T6 điều khiển xe máy đi một mình về quán bán nước của gia đình chị Lê Thị Diên H, sinh năm 1999 tại ngã tư chợ M1, xã M, thành phố N để viết giấy vay nợ. Đến nơi, T mượn bút bi và xin giấy của chị H để ép anh T3 viết giấy vay nợ do T đọc với nội dung “*vay nợ T số tiền một trăm năm mươi triệu đồng để lo việc gia đình, hẹn trả trong vòng 10 ngày tính từ ngày 28/7/2024*”. Quá trình anh T3 viết giấy vay nợ thì T6 dùng điện thoại di động quay video lại nội dung sự việc. Sau khi viết xong, anh T3 và T ký tên. T cầm giấy vay nợ cùng T5 ép anh T3 về nhà để lấy căn cước công dân. Lúc này, T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda SH biển số 18B2-994.78 chở T5, còn anh T3 điều khiển xe máy của mình đi cùng. Do không tìm thấy căn cước công dân nên anh T3 đưa cho T bản phô tô căn cước công dân, sau đó T chở T5 quay lại quán nước rồi cùng với T4, T6 đi về. Trên đường đi T4,

T, T5, T6 thống nhất nếu anh T3 chuyển tiền thì sẽ chuyển đến tài khoản ngân hàng của T5, sau đó Thái chuyển lại vào tài khoản ngân hàng của T4. Khi về đến nhà, T để giấy vay nợ, căn cước công dân phô tô của anh T3 trên bàn và kể lại sự việc trên cho mẹ là bà Vương Thị Ánh T2, sinh năm 1966, trú tại số nhà D T, phường T, thành phố N, quá trình dọn dẹp bà T2 đã xé tờ giấy vay nợ và tờ căn cước công dân photo của anh T3 và vất đi.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus đã qua sử dụng, số máy MGA92TA/A và 01 xe máy nhãn hiệu Honda Aibale màu đen bạc biển số 18M1-012.63, số máy JK14E-0407253, số khung RLHJK1405RZ308272 của Trịnh Thị T4;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max đã qua sử dụng, số máy MQ9P3VN/A và 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đen biển số 18B2-994.78 số máy JF95E-0182444, số khung RLHJF9503NY167316 của Trần Vương T;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 đã qua sử dụng số máy MWN02CH/A và 01 máy tính Laptop nhãn hiệu Dell Inspiron 7559, màu đen, đã qua sử dụng của Bùi Duy T5;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng số máy MT5X2LL/A; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh biển số 18P2-1913, số máy CO9E-6556209, số khung Y-556865 cùng giấy đăng ký xe; 01 ví da màu đen và 01 căn cước công dân số 0360971013749 mang tên Nguyễn Đức T6 của Nguyễn Đức T6;

- 01 quyển vở học sinh, tờ bìa ghi nhãn hiệu “Phúc Thịnh” và 01 bút bi mực đen đã qua sử dụng của chị Lê Thị Diên H.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trưng cầu V Bộ C giám định dữ liệu điện tử đối với 04 chiếc điện thoại thu giữ của Nguyễn Đức T6 (ký hiệu A1); Bùi Duy T5 (ký hiệu A2); Trịnh Thị T4 (ký hiệu A3); Trần Vương T (ký hiệu A4). Bản kết luận giám định số 5913/KL-KTHS ngày 21/8/2024 của V Bộ C kết luận:

- Tìm thấy 832 tin nhắn SMS, 06 tin nhắn WhatsApp, 20310 tin nhắn Zalo, 74 tệp âm thanh, 737 tệp video trong thư mục A1.

- Tìm thấy 466 tin nhắn, 117147 tin nhắn Zalo, 175 tệp âm thanh, 23940 tệp ảnh, 1581 tệp video trong thư mục A2.

- Tìm thấy 103 tin nhắn SMS, 3087 tin nhắn Facebook, 94 tin nhắn Mail, 13981 tin nhắn Zalo, 3609 tệp âm thanh, 49861 tệp ảnh, 401 tệp video trong thư mục A3.

- Tìm thấy 30173 tin nhắn SMS, 57 tin nhắn Facebook, 429 tin nhắn Tinder, 75567 tin nhắn Zalo, 870 tệp âm thanh, 30642 tệp ảnh, 699 tệp video trong thư mục A4.

Kiểm tra các dữ liệu điện tử trên đều không liên quan đến vụ án.

Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 161/24/TgT ngày 28-10-2024 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh N, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của anh Lê Quang T3 là 05% (năm phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương: Vật tày tác động gây thương tích.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N, Trịnh Thị T4, Trần Vương T, Nguyễn Đức T6, Bùi Duy T5 đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và các đồng phạm.

Với nội dung vụ án như đã nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2025/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố các bị cáo Trịnh Thị T4, Trần Vương T, Bùi Duy T5 và Nguyễn Đức T6 phạm tội: “Cướp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Thị T4 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30-7-2024.

- Xử phạt bị cáo Trần Vương T 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30-7-2024.

Xử phạt bị cáo Bùi Duy T5 07 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30-7-2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T6 07 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30-7-2024.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/3/2025, bị cáo Trần Vương T kháng cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt;

Tại phiên toà: Bị cáo Trần Vương T giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo đều hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở giai đoạn sơ thẩm đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: Xét thấy, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã xét xử bị cáo Trần Vương T và đồng bọn về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, không oan. Trong vụ án này, các bị cáo đã có hành vi đe dọa, dùng tay, chân đánh, đập vào người anh Lê Quang T3 gây thương tích cho anh T3 với tỷ lệ tổn thương là 05%, ngay sau đó ép anh T3 viết giấy vay nợ bị cáo T 150.000.000đ mục đích để chiếm đoạt số tiền này. Tuy nhiên các bị cáo chưa chiếm đoạt được số tiền này nên hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Mặt khác, cả 04 bị cáo trong vụ án đều có

nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ăn năn hối cải nên có thể áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS đối với các bị cáo T, T5 và T6. Riêng đối với bị cáo T4 là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác và là người đầu tiên yêu cầu anh T3 bồi thường tiền nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, không áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS đối với bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo đồng thời đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Từ những nhận định trên, Viện KSND tỉnh N đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Trần Vương T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: áp dụng thêm khoản 3 Điều 57, khoản 1 Điều 54 BLHS và giảm cho bị cáo từ 21 tháng đến 24 tháng tù. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 357 BLTTHS đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm đối với các bị cáo T4, T5 và T6 theo hướng: Áp dụng thêm khoản 3 Điều 57 BLHS đối với cả 03 bị cáo, áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS đối với bị cáo T5 và bị cáo T6, giảm cho bị cáo T4 từ 03 tháng đến 06 tháng tù, giảm cho bị cáo T5 và T6 mỗi bị cáo từ 21 tháng đến 24 tháng tù.

Bị cáo T nói lời nói sau cùng: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội chăm sóc mẹ sức khỏe yếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Viết tắt HĐXX) nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Vương T là hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập và qua quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, xét thấy Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã xét xử bị cáo Trần Vương T và đồng bọn về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự (Viết tắt BLHS), là đúng người, đúng tội, không oan.

[2.1] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt của bị cáo Trần Vương T HĐXX nhận thấy: Mức hình phạt 07 năm 03 tháng tù giam mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo T là tương đối phù hợp. Trong vụ án này sau khi sử dụng vũ lực tấn công anh Lê Quang T3 là bị hại trong vụ án, rồi ép anh T3 phải viết giấy nhận nợ số tiền là 150 triệu đồng, trên thực tế cho đến khi bị bắt giữ thì bị cáo T và đồng bọn chưa chiếm đoạt được số tiền nói trên của bị hại. Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, vấn đề này chưa được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng đối với các bị cáo. Tại giai đoạn phúc thẩm mẹ bị cáo T là bà Vương Thị Ánh T2 có đơn trình bày điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo T còn trẻ, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ, bị bạn bè rủ rê; vì vậy đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành người tốt. Xét thấy cần coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS để áp dụng đối với bị cáo. Trong vụ án này ngoài bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt, thì các bị cáo còn lại không kháng cáo. Tuy

nhiên, như phân tích ở phần trên, hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt; bản thân các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do vậy HĐXX xét thấy cần căn cứ khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự (Viết tắt BLTTHS); Điều 57 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho cả các bị cáo không kháng cáo.

[2.2] Từ phân tích nói trên, HĐXX xét thấy cần căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 3 Điều 357 BLTTHS; Điều 57 BLHS chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T và các bị cáo khác như Trịnh Thị T4, Bùi Duy T5, Nguyễn Đức T6, tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành người tốt.

[3] Về xử lý vật chứng: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2025/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định: Trả lại cho bị cáo Trần Vương T 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max qua sử dụng và 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đen biển số 18B2-994.78 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Xét thấy, ngoài hình phạt tù có thời hạn và nghĩa vụ nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo T, thì bị cáo không phải chịu hình phạt hoặc thực hiện nghĩa vụ dân sự nào khác. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo T đã tác động nhờ người thân nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, theo quyết định của bản án sơ thẩm, thể hiện tại B1 lại thu tiền số 0003471 ngày 14/3/2025 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Nam Định. Vì vậy, cần tuyên trả lại cho bị cáo Trần Vương T các tài sản nói trên mà không cần thiết phải tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Vương T không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Vương T sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Trịnh Thị T4 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 30-7-2024.

- Xử phạt bị cáo Trần Vương T 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 30-7-2024.

- Xử phạt bị cáo Bùi Duy T5 05 (Năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 30-7-2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T6 05 (Năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”.
Thời hạn tù tính từ ngày 30-7-2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Trần Vương T 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max đã qua sử dụng và 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đen biển số 18B2-994.78.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Vương T không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND-TAND tp Nam Định;
- Chi cục THADS tp Nam Định ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Vũ Hà Nam
(Đã ký)